

Số: /NQ-HĐND  
DỰ THẢO

Lào Cai, ngày tháng 6 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc cho ý kiến về tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI  
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ..... tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc đề nghị ban hành Nghị quyết cho ý kiến về tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với phần diện tích có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số /BC- KTNS ngày tháng năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất với đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh về tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai, như sau:

## **1. Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá.**

a) Trên địa bàn 10 phường (Lào Cai, Cam Đường, Sa Pa, Âu Lâu, Nam Cường, Văn Phú, Yên Bái, Cầu Thia, Nghĩa Lộ, Trung Tâm).

- Tỷ lệ để tính đơn giá thuê đất một năm bằng 1,8% đối với đất thương mại, dịch vụ.

- Tỷ lệ để tính đơn giá thuê đất một năm bằng 1,5% đối với đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; Đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản; đất chăn nuôi tập trung.

- Tỷ lệ để tính đơn giá thuê đất một năm bằng 1,0% đối với các loại đất khác còn lại (*trừ quy định tại điểm d khoản này*).

b) Trên địa bàn 19 xã (Trần Yên, Mậu A, Lục Yên, Văn Chấn, Mù Cang Chải, Hạnh Phúc, Yên Bình, Cốc San, Hợp Thành, Bảo Thắng, Phong Hải, Bảo Yên, Bảo Hà, Văn Bàn, Võ Lao, Bắc Hà, Si Ma Cai, Bát Xát, Mường Khương).

- Tỷ lệ để tính đơn giá thuê đất một năm bằng 1,5% đối với đất thương mại, dịch vụ.

- Tỷ lệ để tính đơn giá thuê đất một năm bằng 1,2% đối với đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; Đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản; đất chăn nuôi tập trung.

- Tỷ lệ để tính đơn giá thuê đất một năm bằng 1,0% đối với các loại đất khác còn lại (*trừ quy định tại điểm d khoản này*).

c) Trên địa bàn các xã còn lại

- Tỷ lệ để tính đơn giá thuê đất một năm bằng 1,2% đối với đất thương mại, dịch vụ.

- Tỷ lệ để tính đơn giá thuê đất một năm bằng 1,0% đối với đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; Đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản; đất chăn nuôi tập trung.

- Tỷ lệ để tính đơn giá thuê đất một năm bằng 0,8 % đối với các loại đất khác còn lại (*trừ quy định tại điểm d khoản này*).

d) Tỷ lệ để tính đơn giá thuê đất một năm bằng 0,8% đối với đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

## **2. Đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm**

Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định của Luật Đất đai, tiền thuê đất được tính như sau:

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất được tính bằng 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được tính bằng 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

c) Riêng đối với trường hợp thuê đất quy định tại điểm a, điểm b Khoản này mà sử dụng vào mục đích bãi đỗ xe thì đơn giá thuê đất được xác định bằng 10% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất hoặc hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

### **3. Đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước**

Đối với phần diện tích đất có mặt nước, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 50% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giả định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày .... tháng 6 năm 2026./.*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT. Đảng ủy các CQ Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các xã, phường;
- UBND các xã, phường;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Giang**